

**CÔNG TY TNHH NGHỆ THUẬT SÁNG TẠO DCA VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NGHỆ THUẬT SÁNG TẠO DCA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DCA VIET NAM CREATIVE ART COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DCA CREATIVE ART CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109106371

**3. Ngày thành lập:** 27/02/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4, Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 – 123 Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 7108 1686

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.                   | 7410(Chính) |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                              | 8299        |
| 3.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1811        |
| 4.  | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ dập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                                                                          | 1812        |
| 5.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4101        |
| 6.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4102        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                       | 4223        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4321        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. | 4329        |
| 10. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                | 4610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4641 |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4649 |
| 13. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4651 |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4652 |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.         | 4659 |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;                                                                                                                                                  | 4663 |
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4669 |
| 18. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4690 |
| 19. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4722 |
| 20. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4751 |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây , ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4752 |
| 22. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4771 |
| 23. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4782 |
| 24. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4791 |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh), - Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh, - Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác.                                                                                                                                                                     | 5610 |
| 26. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: - Quán cà phê, giải khát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5630 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4759 |
| 28. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5621 |
| 29. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6201 |
| 30. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6202 |
| 31. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7110 |
| 32. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310 |
| 33. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7320 |
| 34. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết: - Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại: - Chụp ảnh chân dung cho hộ chiếu, thẻ, đám cưới..., - Chụp ảnh cho mục đích thương mại, xuất bản, thời trang, bất động sản hoặc du lịch, - Chụp ảnh trên không, - Quay video: Đám cưới, hội họp...;                                                                                   | 7420 |
| 35. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8230 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.600.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN THỊ CÚC

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 06/08/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 037187004770

Ngày cấp: 29/07/2019

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự Xã Hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *CH 0602 Nhà K, Khu CCCT CT7, KĐT M Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *CH 0602 Nhà K, Khu CCCT CT7, KĐT M Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội